

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: **117** /TTr-UBND

Hải Dương, ngày **10** tháng 12 năm 2019

### TỜ TRÌNH

**Về chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức cấp xã và những người hoạt động không chuyên trách nghỉ công tác ở cấp xã trên địa bàn tỉnh Hải Dương khi sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã theo Nghị quyết số 653/2019/UBTVQH14 ngày 12/3/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008; Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế; Nghị định 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế

Căn cứ Nghị quyết số 653/2019/UBTVQH14 ngày 12/3/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trong giai đoạn 2019 - 2021;

Thực hiện Thông báo số 1535 -TB/TU ngày 09 tháng 12 năm 2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc hỗ trợ cán bộ, công chức cấp xã và những người hoạt động không chuyên trách nghỉ công tác ở cấp xã trên địa bàn tỉnh Hải Dương khi sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã theo Nghị quyết số 653/2019/UBTVQH14 ngày 12/3/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức cấp xã và những người hoạt động không chuyên trách nghỉ công tác ở cấp xã trên địa bàn tỉnh Hải Dương khi sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã theo Nghị quyết số 653/2019/UBTVQH14 ngày 12/3/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, cụ thể như sau:

#### **I. Đối tượng và điều kiện áp dụng**

##### **1. Đối tượng áp dụng**

Cán bộ, công chức, những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã làm việc trong các đơn vị hành chính cấp xã thuộc diện sắp xếp theo Nghị quyết số 653/2019/UBTVQH14 ngày 12/3/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trong giai đoạn 2019 - 2021. Ngoài chính sách được hưởng theo quy định tại Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về Chính sách tinh

giản biên chế; Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về Chính sách tinh giản biên chế còn được hưởng các chính sách hỗ trợ tại Tờ trình này.

## **2. Điều kiện áp dụng**

Các đối tượng áp dụng quy định tại Khoản 1 Mục I này được hưởng chính sách hỗ trợ của tỉnh khi có các điều kiện sau:

a) Có nguyện vọng nghỉ hưu trước tuổi hoặc thôi việc ngay và có đơn gửi Đảng ủy, UBND cấp xã và Ban Tổ chức cấp ủy cấp huyện, UBND cấp huyện.

b) Được Ban Thường vụ cấp ủy cấp huyện có chủ trương cho nghỉ công tác đối với cán bộ thuộc diện cấp ủy cấp huyện quản lý, Ủy ban nhân dân cấp huyện có chủ trương cho nghỉ công tác đối với cán bộ, công chức cấp xã thuộc cấp ủy cấp xã quản lý.

c) Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã nghỉ công tác do sắp xếp theo đơn vị hành chính mới và do thực hiện sắp xếp để đảm bảo số lượng theo quy định.

## **II. Chính sách hỗ trợ**

### **1. Chính sách về hưu trước tuổi đối với cán bộ cấp xã giữ các chức danh bầu cử (không quy định cho công chức cấp xã)**

a) Cán bộ cấp xã còn thời gian công tác từ 06 tháng đến dưới 01 năm (dưới 12 tháng), có thời gian đóng BHXH đủ 20 năm trở lên (tính từ tháng 11 năm 2019 đối với thị xã Kinh Môn và từ tháng 12 năm 2019 đối với các huyện, thành phố còn lại) nếu có nguyện vọng về nghỉ hưu trước tuổi thì được hỗ trợ 04 (bốn) tháng tiền lương hiện hưởng.

b) Cán bộ cấp xã còn thời gian công tác từ 12 tháng đến dưới 02 năm (dưới 24 tháng), có thời gian đóng BHXH đủ 20 năm trở lên (tính từ tháng 11 năm 2019 đối với thị xã Kinh Môn và từ tháng 12 năm 2019 đối với các huyện, thành phố còn lại) nếu có nguyện vọng về nghỉ hưu trước tuổi thì được hỗ trợ 06 (sáu) tháng tiền lương hiện hưởng.

c) Cán bộ cấp xã nếu không có nguyện vọng nghỉ hưu trước tuổi thì được bố trí tiếp tục công tác để đến thời điểm tổ chức đại hội đảng bộ cấp xã thì được nghỉ công tác do không đủ tuổi tái cử và hưởng chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử.

### **2. Chính sách thôi việc ngay**

a) Cán bộ, công chức cấp xã (nam từ đủ 55 tuổi đến đủ 58 tuổi, nữ từ đủ 50 tuổi đến đủ 53 tuổi), tính từ tháng 11 năm 2019 đối với thị xã Kinh Môn và từ tháng 12 năm 2019 đối với các huyện, thành phố còn lại, có thời gian đóng BHXH từ đủ 17 năm đối với nam và từ đủ 15 năm đối với nữ đến dưới 20 năm được hỗ trợ tiền đóng BHXH, BHYT một lần cho thời gian còn thiếu để tính hưởng chế độ hưu trí theo quy định của pháp luật về BHXH.

b) Cán bộ, công chức cấp xã (nam từ đủ 55 tuổi đến đủ 58 tuổi, nữ từ đủ 50 tuổi đến đủ 53 tuổi), tính từ tháng 11 năm 2019 đối với thị xã Kinh Môn và từ tháng 12 năm 2019 đối với các huyện, thành phố còn lại có thời gian đóng BHXH dưới 17 năm đối với nam và dưới 15 năm đối với nữ được hỗ trợ thêm 06 tháng tiền lương hiện hưởng cho 05 năm đầu công tác, từ năm thứ 6 trở đi, mỗi năm công tác được hưởng thêm 1/2 tháng tiền lương hiện hưởng của năm công tác.

### III. Cách tính hỗ trợ

#### 1. Thời gian tính hỗ trợ đối với cán bộ, công chức

a) Thời gian công tác để tính hưởng hỗ trợ là thời gian làm việc trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước được tính đóng bảo hiểm xã hội theo quy định và chưa hưởng trợ cấp thôi việc hoặc chưa hưởng chế độ phục viên.

b) Khi tính hỗ trợ nếu thời gian nghỉ hưu trước tuổi hoặc thời gian đóng bảo hiểm xã hội có tháng lẻ thì được tính như sau: Dưới 03 tháng thì không tính; từ đủ 03 tháng đến đủ 06 tháng tính bằng 1/2 năm; từ trên 06 tháng đến dưới 12 tháng tính bằng 01 năm.

#### 2. Tiền lương để tính hỗ trợ

Tiền lương tháng hiện hưởng được tính hỗ trợ bao gồm: Tiền lương theo ngạch, bậc hoặc chức danh nghề nghiệp hoặc theo bảng lương; các khoản phụ cấp chức vụ, phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề (nếu có) và mức chênh lệch bảo lưu (nếu có) theo quy định của pháp luật.

### IV. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí hỗ trợ do ngân sách của tỉnh đảm bảo.

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét quyết định. /

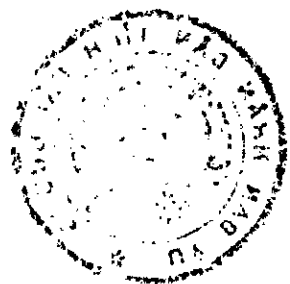
#### Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XVI;
- Lãnh đạo VP: HĐND, UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- Lưu: VP, NC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Nguyễn Dương Thái



**DỰ KIẾN PHƯƠNG ÁN HỖ TRỢ CB, CC CẤP XÃ NGHỈ VIỆC DO SẮP XẾP, NHẬP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH**

**A \_ NGHỈ HƯU TRƯỚC TUỔI**

(Dự kiến số người nghỉ là: 93 người. Trong đó từ Từ 6T<12T là 53 người; Từ 12T=<24T là 40 người)

*Đơn vị: Tỷ đồng*

TT	Năm	Từ 6T<12T				Từ 12T=<24T				Tổng	
		Số người	Tháng	số tiền hỗ trợ	Tổng tiền	Số người	Tháng	số tiền hỗ trợ	Tổng tiền	Số người	Tổng tiền
		53		(triệu)	1,272	40		(triệu)	1,440	93	2,712
1	2020	20	4	6	480	20	6	6	720	40	1,200
2	2021	23	4	6	552	12	6	6	432	35	984
3	2022	10	4	6	240	8	6	6	288	18	528
4	2023				-				-		-

**B \_ THỜI VIỆC NGAY**

**1 Hỗ trợ đóng BHXH từ 17 năm đến dưới 20 năm đối với Nam, từ 15 năm đến dưới 20 năm đối với Nữ**

(Dự kiến 156 người. Trong đó Nam:93 người; Nữ: 63 người)

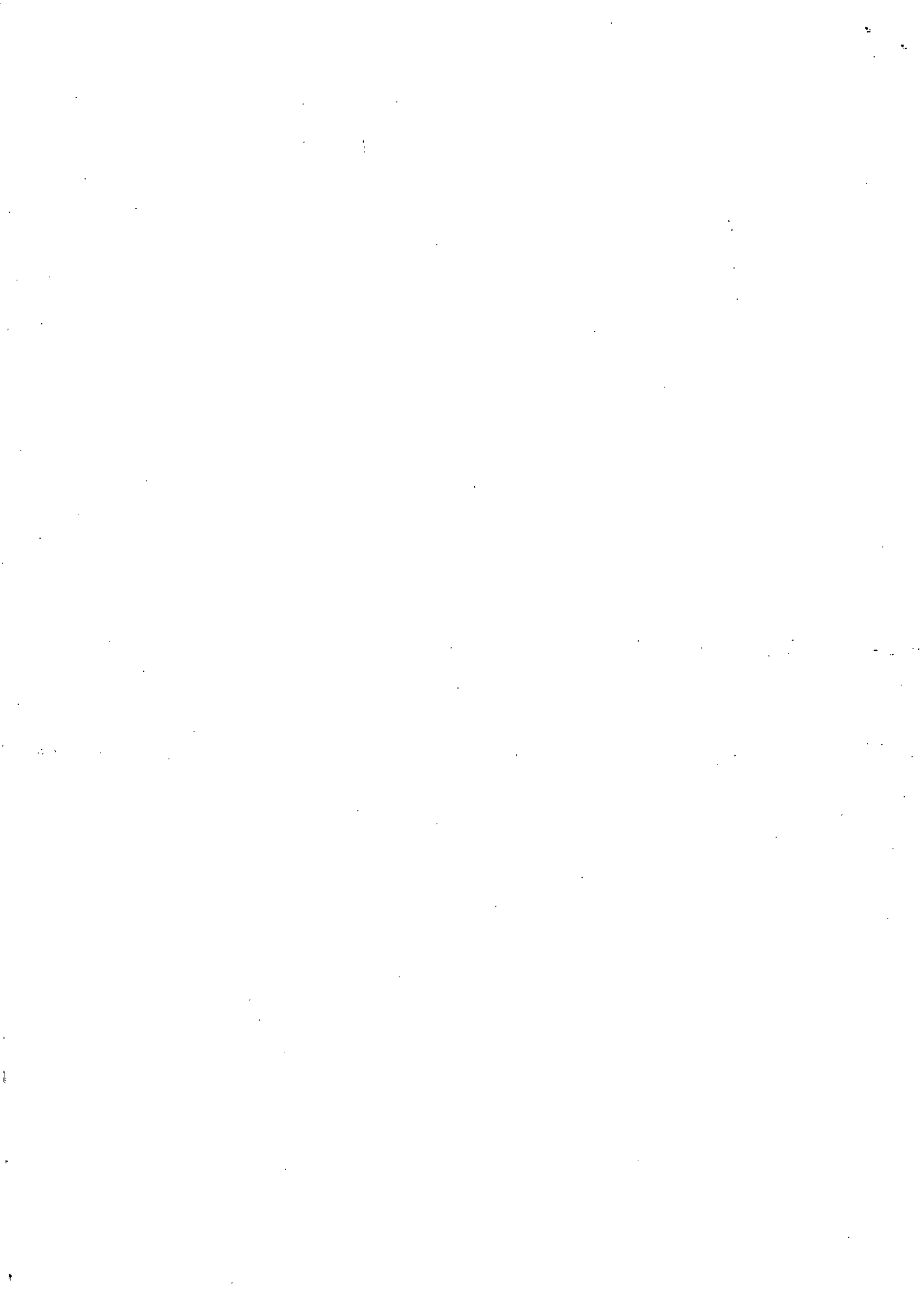
TT	Năm	Số người				Tổng	
		Nam	Tổng tiền	Nữ	Tổng tiền	Số người	Số tiền
		93	3,616	63	4,082	156	7,698
1	2020	39	1,516	30	1,944	69	3,460
2	2021	34	1,322	22	1,426	56	2,748
3	2022	20	778	11	713	31	1,490
4	2023		-		-	-	-

**2 Hỗ trợ đóng BHXH dưới 17 năm đối với Nam, dưới 15 năm đối với Nữ**

(Dự kiến 67 người. Trong đó Nam : 40 người; Nữ: 27 người)

TT	Năm	Số người				Tổng	
		Nam	Tổng tiền	Nữ	Tổng tiền	Số người	Số tiền
		40	2,520	27	1,701	67	4,221
1	2020	20	1,260	15	945	35	2,205
2	2021	15	945	8	504	23	1,449
3	2022	5	315	4	252	9	567
4	2023		-		-	-	-

**Tổng cộng (A+B):**            14,631 tỷ đồng    (Trong đó: Năm 2020: 6,865 tỷ ; Năm 2021: 5,181 tỷ; Năm 2022: 2,585 tỷ)



**BẢNG TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG VỀ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH  
CỦA 53 ĐVHC CẤP XÃ THUỘC ĐIỆN SẮP XẾP GIAI ĐOẠN 2019-2021**  
(Có chi tiết từng huyện kèm theo)

STT	Tên xã, thị trấn	Tổng cộng	Cán bộ												Công chức								Người hoạt động không chuyên trách	Dự kiến phân loại ĐVHC cấp xã
			Tổng số	Bí thư Đảng ủy	Phó Bí thư Đảng ủy	Chủ tịch UBND	Phó Chủ tịch HĐND	Phó Chủ tịch UBND	Chủ tịch UBMT TQ	Chủ tịch Hội CCB	Chủ tịch Hội ND	Chủ tịch Hội LH phụ nữ	Bí thư Đoàn TN	Chủ tịch HĐND	Tổng số	Trưởng công an	Chi huy trưởng QS	Văn phòng-Thống kê	Tài chính-Kế toán	Tư pháp-Hộ tịch	Địa chính-Xây dựng	Văn hóa-Xã hội		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25
I	Thực trạng số lượng cán bộ, công chức tại 53 HVHC sắp xếp	940	518	51	52	50	50	52	53	53	53	50	52	2	422	42	44	85	47	44	80	80	684	
II	Số lượng được bố trí sau khi sắp xếp theo Nghị định 34/NĐ-CP	500	250	24	24	24	24	34	24	24	24	24	24	0	250	0	24	51	34	45	48	48	308	
III	Số lượng cán bộ, công chức dư ra so với quy định (khi sắp xếp)	440	268	27	28	26	26	18	29	29	29	26	28	2	172	42	20	34	13	-1	32	32	376	
<b>PHƯƠNG ÁN GIẢI QUYẾT, SẮP XẾP</b>																								
I	Dự kiến nghỉ hưu	217	127	25	16	22	13	14	13	3	11	9	0	1	90	10	12	13	10	15	15	15	0	
1	Đến năm 2020 (nghỉ hưu đủ tuổi)	84	43	10	9	7	3	4	2	2	2	3	0	1	41	5	5	9	6	8	3	5	0	
2	Từ 2021 đến năm 2024 (vận động nghỉ trước tuổi)	133	84	15	7	15	10	10	11	1	9	6	0	0	49	5	7	4	4	7	12	10	0	
	Không đủ tài cũ	50	50	7	4	10	10	6	6	0	3	4	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	Đủ điều kiện ND108, ND113	83	34	8	3	5	0	4	5	1	6	2	0	0	49	5	7	4	4	7	12	10	0	
II	Số lượng cán bộ, công chức dư ra so với quy định	223	141	2	12	4	13	4	16	26	18	17	28	1	82	32	8	21	3	-16	17	17	376	

